

miếu thờ thành hoàng ở các tỉnh và lập bài vị thờ thần thành hoàng các tỉnh trong miếu thờ thành hoàng ở kinh đô Huế.

Trong khi đó, thành hoàng được phụng thờ ở các làng quê lại là một dòng chảy khác của tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Với người dân ở cộng đồng làng xã, vị thần thành hoàng làng được coi như một vị thánh. Mỗi làng quê có một vị thánh của mình : trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ. Với các vương triều, vị thành hoàng làng được xem như một "viên chức" thay mặt triều đình, nhà vua coi sóc, chăm nom một làng quê cụ thể, bởi "viên chức" này do nhà vua đưa về các làng quê bằng một quyết định cụ thể : sắc phong (còn gọi là sắc thần). Các vương triều khác nhau sẽ có các sắc phong thần khác nhau. Một vị thành hoàng có thể có nhiều sắc phong khác nhau của các triều đại khác nhau. Ngay một triều đại cũng có thể phong sắc nhiều lần cho một vị thần, nhưng số mi tự thì lần sau bao giờ cũng gia tăng hơn lần trước.

Trong sự phát triển của tín ngưỡng thờ thành hoàng đáng chú ý là sự kiện năm 1572 (Hong Phúc nguyên niên) nhà Lê sai Hàn lâm viện đồng các đại học sĩ, tiến sĩ Nguyễn Bính san định lại thần tích các vị thần ở các làng quê, do dân quê khai báo nộp về cho triều đình. Như thế, dưới ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, Nguyễn Bính đã biên soạn lại các thần tích cho thành hệ thống. Cần lưu ý là những lời khai của dân gian thực chất là quá trình sáng tạo của dân gian để nhằm thiêng hóa nhân vật được phụng thờ. Toàn bộ vốn văn hóa mà người dân có được sẽ được dùng trong quá trình sáng tạo này. Thành thử, trong thần tích các vị thần có nhiều lớp văn hóa từ các mảnh vụn của thần thoại đến văn hóa Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo v.v.... Dưới bàn tay của Nguyễn Bính, thần tích - bản sáng tạo này của dân gian được nhào nặn dưới ánh sáng của tư tưởng Nho giáo. Văn bản cố định này được đưa về các làng quê lưu giữ trong đình làng. Và một lần nữa thần tích lại được sinh thành trong dân gian, bằng lời kể và trí tưởng tượng dân gian nhưng khởi phát của quá trình sinh thành này lại bắt đầu từ các nhà nho - nhân vật sáng tạo văn hóa ở các làng quê.

Trong các thành hoàng được thờ phụng, có rất nhiều các nhân vật lịch sử - văn hóa. Có các vương triều hoặc người dân ở các làng quê đều đưa những nhân vật lịch sử - văn hóa vào làm thành hoàng làng. Nói cách khác, các nhân vật lịch sử - văn hóa của dân tộc có sự hóa thân vào các thành hoàng làng.

Thành hoàng làng ở các làng quê được thờ phụng trong đình làng và nghề (hay miếu tùy cách gọi của từng địa phương) như Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* đã ghi : đình là nơi thờ vọng, miếu là nơi quỷ thần bằng y. Thành hoàng của người Việt ở Nam Bộ chỉ có một thiết chế thờ phụng mà không có nghề (hay miếu).

Thành hoàng là nhân vật trung tâm của một sinh hoạt văn hóa mà dân các làng quê cũng như các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian gọi là lễ hội. Đó là ngày tưởng niệm vị thánh của làng. Nói cách khác, thành hoàng như một thanh nam châm hút tất cả các sinh hoạt văn hóa ở các làng quê để trình diễn trong một ngày hay vài ngày tùy theo diễn trình ngày hội. Đối với người dân, thành hoàng là chỗ dựa tinh thần, nơi gửi gắm niềm tin cho họ, giúp họ vượt qua những khó khăn của cuộc đời đầy sóng gió.

3. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Chế độ mẫu hệ còn để lại ảnh hưởng khá đậm trong đời sống xã hội của cư dân Việt Nam. Vì thế, người Việt có truyền thống thờ nữ thần, một đặc trưng cơ bản của tín ngưỡng cư dân nông nghiệp. Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt có sức mạnh đến nỗi khi Phật giáo vào Giao Châu đã phải chấp nhận đan xen với nó. Huyền thoại về Man nương và nhà sư Khâu đà la là chứng tích cho việc đan xen này. Bốn ngôi chùa quanh vùng Dâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) thờ các nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Nói cách khác, đó là bốn hiện tượng tự nhiên được nhân cách hóa thành thần linh và có sự tích hợp với Phật giáo để phát triển và tồn tại.

Từ chỗ thờ các nữ thần mà hiện thân của nó là các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp, người Việt đã thờ phụng các vị nữ thần cai quản các vùng không gian. Dần dần, tín ngưỡng thờ Mẫu xuất hiện. Như vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu có sự phát triển từ các hình thức sơ khai đến các hình thức phát triển cao là Mẫu tam phủ, tứ phủ.

Điện thần của tín ngưỡng thờ Mẫu là một hệ thống có lớp lang tương đối nhất quán gồm :

- Ngọc hoàng
- Tam tòa thánh mẫu
- Ngũ vị vương quan
- Tứ vị chầu bà
- Ngũ vị hoàng tử
- Thập nhị cô nương
- Thập nhị vương cậ
- Quan ngũ hổ
- Ông Lốt (rán).⁽¹⁾

Hệ thống điện thần ấy gồm các nhiên thần và nhân thần, trong đó có khá nhiều các nhân vật lịch sử - văn hóa của dân tộc. Đáng chú ý là nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo, người anh hùng dân tộc này đã được hội nhập vào tín ngưỡng thờ Mẫu, trở thành vua cha như một câu ngạn ngữ : tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ Mẹ.

Các nhà nghiên cứu đã thống nhất rằng, tín ngưỡng thờ Mẫu là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể. Gắn bó với tín ngưỡng thờ Mẫu là hệ thống các huyền thoại, thần tích, các bài văn chầu, các truyện thơ nôm, các bài giảng bút, các câu đối, đại tự. Bên cạnh đó, nói đến tín ngưỡng thờ mẫu còn phải nói đến các hình thái diễn xướng như âm nhạc, hát chầu văn, hát bóng, múa bóng, hầu bóng và lên đồng.

(1) Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1996, tr.22.

Khi nhìn nhận tín ngưỡng thờ Mẫu, không thể không chú ý đến hiện tượng lên đồng. Về bản chất, lên đồng là hiện tượng nhập hồn nhiều lần của các thần linh trong điện thần, của đạo mẫu và các ông đồng, bà đồng để cầu sức khỏe, cầu may mắn, cầu tài lộc. Đó là một trong các hiện tượng sa man giáo phổ biến rộng khắp trên thế giới, chứ không riêng gì ở Việt Nam. Trong hoạt động này, những khía cạnh mê tín rất dễ bị khai thác, đẩy con người tới mức cuồng tín, có thể gây nguy hiểm và thiệt hại cho tín đồ, cộng đồng v.v. ...

Nhân vật của tín ngưỡng thờ Mẫu được phụng thờ ở các di tích mà dân gian gọi là phủ, đền, điện. Gắn với các nhân vật phụng thờ và các di tích này là một lễ hội. Lễ hội của tín ngưỡng thờ Mẫu giống như các lễ hội khác trên những nét cơ bản.

IV - LỄ HỘI

Cư dân Việt và cư dân các dân tộc ít người ở Việt Nam là những cư dân nông nghiệp sống bằng nghề trồng lúa nước. Vòng quay của thiên nhiên và mùa vụ tạo ra trong họ những nhu cầu tâm linh. Khoảng thời gian nghỉ ngơi này là dịp để người dân vừa cảm ơn thần linh đã phù hộ cho họ một mùa màng đã qua, vừa cầu xin thần linh phù hộ cho một mùa màng sắp tới. Dần dà, biến thiên thời gian đã lắng đọng nhiều phù sa văn hóa trong lễ hội. Sinh hoạt văn hóa ấy của cư dân được gọi là lễ hội.

Lễ hội bao giờ cũng gắn bó với một cộng đồng dân cư nhất định. Nếu Tết âm lịch là sinh hoạt của cả cộng đồng thì ngày hội là ngày Tết của một cộng đồng dân cư nhất định nào đó. Lễ hội gắn bó với từng làng quê, các làng quê khác nhau thì ngày hội làng cũng khác nhau. Mặt khác, lễ hội mang tính tộc người rất rõ. Các dân tộc khác nhau sẽ có những lễ hội khác nhau.

Nhân vật trung tâm được thờ phụng của cộng đồng là nhân vật chính của ngày lễ hội. Tất cả nghi lễ, lễ thức trò diễn, trò

chơi đều hướng tới nhân vật được thờ phụng này. Tùy theo từng tiêu chí phân loại mà người ta có thể chia hệ thống nhân vật được thờ phụng này thành các loại : nhân thần và thần tự nhiên ; thành hoàng làng và các phúc thần ; nam thần và nữ thần cùng các Mẫu v.v...

Đã thành một ước lệ, người ta chia lễ hội thành hai bộ phận : lễ và hội. Phần lễ là các nghi thức được thực thi trong lễ hội, thường là có sự giống nhau trong các lễ hội, theo điển lệ của các triều đình phong kiến. Chẳng hạn nghi thức quy định khi nào dâng rượu, khi nào dâng trà, dâng oản quả, dâng thức ăn mặn. Tuy nhiên, phần lễ đôi khi vẫn có sự khác nhau giữa các vùng. Chẳng hạn, trong lễ hội ở đình làng Nam Bộ của người Việt, sau lưng học trò khi làm lễ dâng trà, dâng rượu v.v..., lại có một phụ nữ mà dân gian gọi là đào thai vừa đi vừa hát những câu chúc mừng. Phần hội là phần khác nhau giữa các lễ hội. Thành tố đáng lưu ý trong phần hội là trò diễn. Trò diễn là hoạt động mang tính nghi lễ, diễn lại toàn bộ hay một phần hoạt động của cuộc đời nhân vật phụng thờ. Chẳng hạn trò diễn Thánh Gióng đánh giặc Ân trong ngày hội Gióng, hoặc trò nghiêm quân trong lễ hội làng Yên Sở (hội Giá) huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Trình tự của một trò diễn bao giờ cũng đi từ nơi thờ vọng đến nơi gắn bó với một sự kiện nào đó trong cuộc đời vị thánh. Lễ hội thờ Thành hoàng làng thì trò diễn bao giờ cũng theo trình tự : điểm bắt đầu của đám rước lúc đi là đình làng, điểm kết thúc của đám rước là nghề (miếu) và ngược lại.

Các trò diễn trong lễ hội là các lớp văn hóa tín ngưỡng của các thời kì lịch sử khác nhau lắng đọng lại, phản ánh những sinh hoạt của cư dân nông nghiệp sống với nghề trồng lúa nước, gắn kết với nhân vật được phụng thờ. Cùng với các trò diễn là trò chơi. Các trò chơi trong lễ hội thường không mang tính nghi lễ, nhưng cũng có những trò chơi vốn trước kia là những trò diễn mang tính nghi lễ nhưng tính nghi lễ đã mờ nhạt hoặc dứt gãy. Chẳng hạn, trò chơi gà, trò đấu vật.

Cuối cùng là thức cúng trong lễ hội. Có hai loại thức cúng : một là loại thức cúng phổ biến ở tất cả các lễ hội như oản, hương, hoa, quả v.v... ; hai là loại thức cúng mang tính nghi lễ, chỉ có ở một lễ hội riêng biệt, như món bánh trôi ở hội đền Hát Môn, món chè củ mài ở lễ hội vùng Phong Châu (tỉnh Phú Thọ). Không gian của lễ hội, vì thế, bao gồm cả trong di tích lẫn ngoài di tích. Tùy lễ hội ở từng địa phương, từng làng mà không gian này sẽ có những nét khác nhau.

Giá trị của lễ hội chính là giá trị cộng cảm và cộng mệnh. Ngày lễ hội là thời gian cư dân tụ họp để tưởng nhớ vị thánh của làng. Vì thế, đây là "một sinh hoạt tập thể long trọng, thường đem lại niềm phấn chấn cho tất cả mọi người, cho mỗi một con người. Những quy cách và những nghi thức của lễ hội mà mọi người phải tuân theo, tạo nên niềm cộng cảm của toàn thể cộng đồng, làm cho mỗi người gắn bó chặt chẽ hơn với cộng đồng và do đó thấy mình vươn lên ở tầm vóc cao hơn, với một sức mạnh lớn hơn."⁽¹⁾

Mặt khác, lễ hội còn là một bảo tàng văn hóa, một thứ bảo tàng tâm thức lưu giữ các giá trị văn hóa, các sinh hoạt văn hóa. Đó có thể là các trò chơi, các tín ngưỡng, các hình thức diễn xướng dân gian v.v... Trong văn hóa làng, lễ hội là một thành tố có tiềm năng to lớn.

Tuy nhiên, cũng cần thấy trong lễ hội có cả các yếu tố phi văn hóa, phản văn hóa được lưu giữ. Đó là những yếu tố mê tín dị đoan cần loại bỏ khi kế thừa kho tàng lễ hội cổ truyền để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

CÂU HỎI

1. Vẽ sơ đồ các thành tố văn hóa
2. Trình bày về một thành tố văn hóa cụ thể

(1) Đinh Gia Khánh : *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989, tr.180-181.

BÀI 7

CHỨC NĂNG VÀ CẤU TRÚC CỦA VĂN HÓA

I - CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA

Trước đây người ta quen chia văn hóa thành hai lĩnh vực : văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Gần đây, theo cách phân chia của UNESCO, văn hóa có hai lĩnh vực : văn hóa hữu thể và văn hóa vô thể. Việc phân chia như thế cũng là cần thiết để có một cách nhìn toàn diện, tổng thể đối với văn hóa, tuy nhiên ranh giới của sự phân chia đó lại chỉ là tương đối, không thể quá tách bạch giữa các lĩnh vực. Bởi lẽ, ngay trong văn hóa hữu thể, lại có cái vô thể, và ngược lại.

Là sáng tạo của con người, nhìn từ phương diện cấu trúc, văn hóa là hoạt động tinh thần hướng đến việc tạo ra các giá trị chân, thiện, mỹ. Định nghĩa của nhà văn hóa nước ngoài mà theo PGS. Nguyễn Từ Chi đã dẫn ra và cho là khá "giật gân", những gì không là thiên nhiên đều là văn hóa, nói khác đi là đã khẳng định điều này : văn hóa là một thiên nhiên thứ hai, một môi trường thứ hai nuôi dưỡng con người. Chính vì thế, văn hóa sẽ mang những chức năng xã hội khác nhau.

Trong giới nghiên cứu, sự trình bày chức năng của văn hóa không phải đã thống nhất hoàn toàn. Trong bài *Về khái niệm văn hóa* in trong tập *Khái niệm và quan niệm về văn hóa*,⁽¹⁾ PGS, TS. Tạ Văn Thành trình bày văn hóa có các chức năng sau :

(1) *Khái niệm và quan niệm về văn hóa*, Viện Văn hóa xuất bản 1986, tr. 124 - 125 - 126.

- Chức năng chính của văn hóa là chức năng giáo dục.

Để thực hiện chức năng này, văn hóa có các chức năng khác như :

+ Chức năng nhận thức

+ Chức năng định hướng đánh giá, xác định chuẩn mực điều chỉnh cách ứng xử của con người.

+ Chức năng giao tiếp

+ Chức năng đảm bảo tính kế tục lịch sử

+ Một số thành tố của văn hóa còn có cả chức năng riêng của nó. Chẳng hạn nghệ thuật, thể thao, trò chơi, hội hè v.v... có chức năng giải trí, hoặc nghệ thuật có chức năng thẩm mĩ.

PGS, TSKH. Trần Ngọc Thêm, lại xuất phát từ các đặc trưng sau đây của văn hóa mà ông đề xuất để khẳng định những chức năng sau đây của văn hóa :

- Chức năng tổ chức xã hội.

- Chức năng điều chỉnh xã hội.

- Chức năng giáo dục.

- Chức năng phát sinh là đảm bảo tính kế tục của lịch sử.⁽¹⁾

Giáo trình Văn hóa xã hội chủ nghĩa của khoa Văn hóa xã hội chủ nghĩa,⁽²⁾ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, lại trình bày chức năng của văn hóa gồm các chức năng sau :

- Chức năng bao trùm là chức năng giáo dục.

- Chức năng nhận thức

- Chức năng thẩm mĩ

- Chức năng dự báo

- Chức năng giải trí.

(1) Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr. 21,22,23,24.

(2) *Văn hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, in lần 2, Hà Nội, 1995.

Sở dĩ có sự khác nhau trong cách trình bày các chức năng của văn hóa là do góc tiếp cận của từng tác giả khác nhau, hoặc đó là những cách nói khác nhau về cùng một chức năng của văn hóa.

Trước hết, cần xác định cho được bản chất của văn hóa. Là hoạt động nhằm sản xuất, sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa hữu thể và vô thể, văn hóa là một tổng thể của rất nhiều hoạt động, các hoạt động ấy hướng đến cái chân, cái thiện, cái mỹ. Bởi vậy, văn hóa không nằm ngoài kinh tế và chính trị, nhưng chính nó lại có đời sống riêng của mình, cũng như quy luật hoạt động riêng. Mục tiêu cao cả nhất của hoạt động văn hóa là vì con người, vì sự phát triển và hoàn thiện con người. Từ những nét bản chất này của văn hóa để nhận biết các chức năng của văn hóa, phải chăng là một cách tiếp cận hợp lý.

Chức năng bao trùm nhất của văn hóa là chức năng giáo dục. Nói cách khác, chức năng tập trung của văn hóa là bồi dưỡng con người, hướng lí tưởng, đạo đức và hành vi của con người vào "điều hay lẽ phải, điều khôn, lẽ thiệt", theo những khuôn mẫu, chuẩn mực mà xã hội quy định.

Văn hóa bao giờ cũng hình thành trong một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ, mang tính lịch sử và tạo cho văn hóa một bề dày, một chiều sâu. Nó được duy trì bằng truyền thống văn hóa, tức là cơ chế tích lũy và truyền đạt kinh nghiệm trong cộng đồng qua không gian và thời gian. Nó là những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) thể hiện dưới những khuôn mẫu xã hội được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người và được cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận... Văn hóa thực hiện chức năng giáo dục (giáo dục truyền thống) không chỉ bằng những giá trị ổn định mà còn bằng những giá trị đang hình thành. Các giá trị đã ổn định và những giá trị đang hình thành tạo nên một hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ nó, văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách ở con người, trồng người, dưỡng dục nhân

cách. Một đứa trẻ được sống với cha mẹ sẽ được giáo dục theo truyền thống văn hóa trong gia đình mình được sinh ra ; còn nếu bị rơi vào rừng, đứa trẻ ấy sẽ mang hành vi, tính nết của loài thú. Không phải ngẫu nhiên mà trong các ngôn ngữ phương Tây khác nhau, thuật ngữ "văn hóa" (culture, cultura) đều có chứa một nghĩa chung là chăm sóc, giáo dục, vun trồng... Chức năng giáo dục của văn hóa đảm bảo tính kế tục của lịch sử. Nếu gien sinh học di truyền lại cho các thế hệ sau hình thể con người thì văn hóa được coi là một thứ "gien" xã hội di truyền phẩm chất con người lại cho các thế hệ mai sau.

Do là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm hoạt động thực tiễn của con người, văn hóa có tính nhân sinh đậm nét và trở thành một công cụ giao tiếp quan trọng thông qua ngôn ngữ. Nếu như ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hóa là nội dung của nó. Điều đó đúng với giao tiếp giữa cá nhân trong một dân tộc, lại càng đúng với giao tiếp giữa những người thuộc các dân tộc khác nhau và sự giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau.

Bằng chức năng giáo dục, văn hóa tạo cho lịch sử nhân loại và lịch sử mỗi dân tộc một sự phát triển liên tục. Chức năng tổ chức xã hội và sự phát sinh của chức năng này là văn hóa có chức năng điều chỉnh xã hội, định hướng các chuẩn mực, các cách ứng xử của con người. Gần đây, UNESCO cũng như Đảng, Nhà nước ta cho rằng văn hóa là động lực của phát triển, chính là đề cập tới chức năng này.

Mặt khác, chức năng giáo dục của văn hóa phải được thực hiện thông qua các chức năng khác.

Trước hết là chức năng nhận thức. Chức năng này tồn tại trong mọi hoạt động văn hóa. Nói cách khác, chức năng nhận thức là chức năng đầu tiên của mọi hoạt động văn hóa, thiếu nó, không thể nói tới chức năng nào khác.

Cùng chức năng nhận thức là chức năng thẩm mĩ. Đây là một chức năng rất quan trọng của văn hóa, nhưng cũng là chức